



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

0295/09/2025

29/09/2025

I. THÔNG TIN MẪU

- | | |
|---------------------------|---|
| 1. Tên khách hàng: | CÔNG TY CPCN TÂN HÒA |
| 2. Địa chỉ: | 215 Trần Thủ Độ, P.Phú Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh |
| 3. Tên mẫu: | Mẫu nước-Thử nghiệm định kỳ của mạng lưới cấp nước (tần suất A) |
| 4. Tình trạng mẫu: | Mẫu thử đựng trong bình nhựa và bình thủy tinh |
| 5. Số lượng mẫu: | 12 |
| 6. Ngày nhận mẫu | 17/09/2025 |
| 7. Thời gian thử nghiệm:* | 17/09/2025 đến 26/09/2025 |
| 8. Loại mẫu: | Nước sạch |
| 9. Kết quả TN: | Xem trang sau. |
| 10. Ghi chú: | Danh sách mẫu xem trang cuối. |

* Thời gian thử nghiệm trên chưa bao gồm thời gian gửi mẫu hợp đồng phụ thử nghiệm.

PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC
PHÓ GIÁM ĐỐC

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Diệp Thị Hoàng Hà

Bùi Thanh Giang

Lưu ý:

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến;
2. Không được trích sao 1 phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của SAWACO;
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
4. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày từ ngày trả kết quả;
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k=2$, mức tin cậy 95%. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ sau để biết thêm thông tin:
 - Phòng Quản lý Chất lượng nước: Số 2A1 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, TP. HCM
 - Email: qlcln@sawaco.com.vn
 - ĐT: (08) 37228357 hoặc (08) 37225927 hoặc (08) 37228495.

0295/09/2025

29/09/2025

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	
						SWC-25/1283	SWC-25/1284
1	Arsen (**)	mg/L	HD.PP.21/TT.AA S:2023	0,0003	$\leq 0,01$	KPH	KPH
2	Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH	KPH
3	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH	KPH
4	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B - 2023	0,035	≤ 2	0,39	0,49
5	pH (*)	-	TCVN 6492:2011		6 - 8,5	7,3	7,3
6	Màu sắc	Pt/Co	Hach-method 8025	0	≤ 15	1	1
7	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996		≤ 2	0,96	0,96
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	mg/L	Hach-method 8038	0,03	≤ 1	KPH	KPH
9	Clo dư tự do	mg/L	Hach-method 8021		0,2 - 1	0,50	0,60
10	Mùi	-	SMEWW 2150B - 2023		Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ

Ghi chú:

- SWC-25/1283 159/1 Phạm Văn Hai, P.Tân Sơn Nhất.
- SWC-25/1284 179 Bàn Văn Trân, P.Tân Sơn Nhất.
- (*): Chỉ tiêu được công nhận Văn phòng Công nhận Chất lượng.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ YTCC.
- KPH: Không phát hiện.

0295/09/2025

29/09/2025

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	
						SWC-25/1285	SWC-25/1286
1	Arsen (**)	mg/L	HD.PP.21/TT.AA S:2023	0,0003	$\leq 0,01$	KPH	KPH
2	Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH	KPH
3	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH	KPH
4	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B - 2023	0,035	≤ 2	$< 0,25$	0,35
5	pH (*)	-	TCVN 6492:2011		6 - 8,5	7,3	7,3
6	Màu sắc	Pt/Co	Hach-method 8025	0	≤ 15	1	1
7	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996		≤ 2	0,96	0,96
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	mg/L	Hach-method 8038	0,03	≤ 1	KPH	KPH
9	Clo dư tự do	mg/L	Hach-method 8021		0,2 - 1	0,80	0,55
10	Mùi	-	SMEWW 2150B - 2023		Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ

Ghi chú:

- SWC-25/1285 407 Lý Thường Kiệt, P.Tân Hòa.
- SWC-25/1286 Giao lộ Cộng Hòa-Tân Hải, P.Tân Bình.
- (*): Chỉ tiêu được công nhận Văn phòng Công nhận Chất lượng.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ YTCC.
- KPH: Không phát hiện.

0295/09/2025

29/09/2025

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	
						SWC-25/1287	SWC-25/1288
1	Arsen (**)	mg/L	HD.PP.21/TT.AA S:2023	0,0003	$\leq 0,01$	KPH	KPH
2	Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH	KPH
3	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH	KPH
4	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B - 2023	0,035	≤ 2	0,29	$< 0,25$
5	pH (*)	-	TCVN 6492:2011		6 - 8,5	7,3	7,4
6	Màu sắc	Pt/Co	Hach-method 8025	0	≤ 15	2	1
7	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996		≤ 2	0,96	0,96
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	mg/L	Hach-method 8038	0,03	≤ 1	KPH	KPH
9	Clo dư tự do	mg/L	Hach-method 8021		0,2 - 1	0,40	0,50
10	Mùi	-	SMEWW 2150B - 2023		Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ

Ghi chú:

- SWC-25/1287 324A Trường Chinh, P.Tân Bình.
- SWC-25/1288 892A Âu Cơ, P.Tân Bình.
- (*): Chỉ tiêu được công nhận Văn phòng Công nhận Chất lượng.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ YTCC.
- KPH: Không phát hiện.

0295/09/2025

29/09/2025

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	
						SWC-25/1289	SWC-25/1290
1	Arsen (**)	mg/L	HD.PP.21/TT.AA S:2023	0,0003	$\leq 0,01$	KPH	KPH
2	Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH	KPH
3	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH	KPH
4	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B - 2023	0,035	≤ 2	0,28	0,33
5	pH (*)	-	TCVN 6492:2011		6 - 8,5	7,3	7,4
6	Màu sắc	Pt/Co	Hach-method 8025	0	≤ 15	1	1
7	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996		≤ 2	0,96	0,96
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	mg/L	Hach-method 8038	0,03	≤ 1	KPH	KPH
9	Clo dư tự do	mg/L	Hach-method 8021		0,2 - 1	0,65	0,76
10	Mùi	-	SMEWW 2150B - 2023		Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ

Ghi chú:

- SWC-25/1289 1A Cầu Xéo, P.Tân Sơn Nhì.
- SWC-25/1290 212 Thoại Ngọc Hầu, P.Phú Thạnh.
- (*): Chỉ tiêu được công nhận Văn phòng Công nhận Chất lượng.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ YTCC.
- KPH: Không phát hiện.

0295/09/2025

29/09/2025

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	
						SWC-25/1291	SWC-25/1292
1	Arsen (**)	mg/L	HD.PP.21/TT.AA S:2023	0,0003	$\leq 0,01$	KPH	KPH
2	Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH	KPH
3	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH	KPH
4	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B - 2023	0,035	≤ 2	$< 0,25$	0,34
5	pH (*)	-	TCVN 6492:2011		6 - 8,5	7,4	7,5
6	Màu sắc	Pt/Co	Hach-method 8025	0	≤ 15	2	1
7	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996		≤ 2	0,96	0,96
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	mg/L	Hach-method 8038	0,03	≤ 1	KPH	KPH
9	Clo dư tự do	mg/L	Hach-method 8021		0,2 - 1	0,35	0,55
10	Mùi	-	SMEWW 2150B - 2023		Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ

Ghi chú:

- SWC-25/1291 215 Trần Thủ Độ, P.Phú Thạnh.
- SWC-25/1292 207 Lê Thúc Hoạch, P.Phú Thọ Hòa.
- (*): Chỉ tiêu được công nhận Văn phòng Công nhận Chất lượng.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ YTCC.
- KPH: Không phát hiện.

0295/09/2025

29/09/2025

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	
						SWC-25/1293	SWC-25/1294
1	Arsen (**)	mg/L	HD.PP.21/TT.AA S:2023	0,0003	$\leq 0,01$	KPH	KPH
2	Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH	KPH
3	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH	KPH
4	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B - 2023	0,035	≤ 2	0,30	0,27
5	pH (*)	-	TCVN 6492:2011		6 - 8,5	7,6	7,6
6	Màu sắc	Pt/Co	Hach-method 8025	0	≤ 15	1	2
7	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996		≤ 2	0,96	0,96
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	mg/L	Hach-method 8038	0,03	≤ 1	KPH	KPH
9	Clo dư tự do	mg/L	Hach-method 8021		0,2 - 1	0,46	0,56
10	Mùi	-	SMEWW 2150B - 2023		Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ

Ghi chú:

- SWC-25/1293 70/1B Huỳnh Thiện Lộc, P.Tân Phú.
- SWC-25/1294 149/23 Lý Thánh Tông, P.Phú Thạnh.
- (*): Chỉ tiêu được công nhận Văn phòng Công nhận Chất lượng.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ YTCC.
- KPH: Không phát hiện.